

Số: 2319 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (hạng mục: Đền thờ
các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình) huyện Nga Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá khóa XVII, kỳ họp thứ 15 về quyết định chủ trương đầu tư Dự án bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình) huyện Nga Sơn;

Căn cứ Văn bản số 4972/BVHTTDL-DSVH ngày 31/12/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Dự án bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4486/SXD-HĐXD ngày 23/6/2022 (kèm theo Văn bản số 1568/SXD-HĐXD ngày 14/3/2022 của Sở

Xây dựng, Tờ trình số 212/TTr-BQLDA ngày 15/6/2022 của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn và hồ sơ dự án, các văn bản liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình) huyện Nga Sơn với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình) huyện Nga Sơn.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: Di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình, xã Ba Đình, huyện Nga Sơn.

4. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm B, loại công trình dân dụng (công trình văn hóa), cấp III.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng và phục chế công trình văn hóa và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng Thanh Hóa.

6. Mục tiêu đầu tư: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Khu căn cứ Khởi nghĩa Ba Đình, địa danh tiêu biểu trong Phong trào Cần Vương; xây dựng di tích trở thành điểm giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, bảo vệ Tổ quốc và lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ; kết nối với các di tích, danh thắng trong vùng, phục vụ phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh.

7. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế

7.1. Quy mô đầu tư

Đầu tư tôn tạo các hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình, tả vu, hữu vu, phù điêu, nghi môn nội, cầu vào trung tâm khu căn cứ, cổng trụ, hào lũy (phòng dựng một đoạn hào lũy phía trước khu căn cứ), am hóa vàng, sân, đường nội bộ, tường rào và hạ tầng kỹ thuật.

7.2. Giải pháp thiết kế mặt bằng tổng thể

Tại tâm điểm của Khu căn cứ trung tâm Núi Thúc (vùng lõi) được xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình. Ngôi đền có mặt bằng hình chữ Nhị, hình thức kiến trúc kiểu tàu đao lá mái, gồm: Tiền bái (chồng diêm 2 tầng mái) và Hậu cung (một tầng mái). Phía trước đền thờ là sân hành lễ lớn đủ rộng để tổ chức lễ hội Ba Đình hàng năm. Đối xứng hai bên sân hành lễ là nhà Tả vu và Hữu vu kiểu tàu đao bốn mái (một tầng mái) làm nơi tiếp khách và kết hợp trưng bày giới thiệu các hiện vật, tư liệu, tranh ảnh, vũ khí, đồ dùng, trang phục, dụng cụ... gắn với cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Tiếp nối với sân hành lễ là Nghi môn nội tạo nên một mặt tiền của khu đền thờ uy nghi và vững chãi, gắn kết ăn nhập hài hoà với không gian hào lũy, hệ thống công sự phòng ngự và chiến đấu của nghĩa quân Ba Đình. Nằm trên trục thần đạo có cây cầu vào trung tâm khu căn cứ bằng bê tông giả gỗ

(kiểu dã chiến thời Cần Vương) bắc qua chiến hào; phía trước là công trụ, cùng với hai khẩu pháo thần công đặt đối xứng với nhau, phân cách giữa không gian bên trong khu đền thờ và không gian bên ngoài. Hệ thống sân đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật tổng thể, tường rào nội khu, cây xanh cảnh quan, mặt nước,... phù hợp với các loại hình không gian kiến trúc cảnh quan di tích và công năng sử dụng.

Tổng diện tích quy hoạch mặt bằng tổng thể Khu đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình là: 16.538 m²

7.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu

7.3.1. Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình, có mặt bằng kiến trúc chữ Nhị (gồm: Tiền bái và Hậu cung), phỏng theo hình thức kiến trúc truyền thống; diện tích khoảng 550m².

a) Tiền bái:

Nhà Tiền bái có quy mô 5 gian 2 chái, có hành lang 3 bên, gồm 6 hàng cột, hình thức kiến trúc chồng diêm 2 tầng 8 mái. Cao độ nền đền thờ chính so với nền sân hành lễ là +1,05m và được bố trí ba lối lên xuống từ phía trước và hai bên hồi hành lang phía sau nhà Tiền bái;

- Bước gian: gian chái rộng 3,3m; gian bên rộng 3,6m; gian giữa rộng 4,05m; bước cột: khoảng cách từ cột hiên đến cột quân rộng 1,8m; từ cột quân đến cột cái rộng 1,8m; từ cột cái đến cột cái rộng 4,05m. Chiều cao nhà: 10,77m (tính từ cos +0,00 đến đỉnh mặt Nhật);

- Hệ vì kiểu thượng chồng rường, hạ con chồng xà nách - kẻ bẩy bằng gỗ lim; mái lợp ngói mũi hài, dưới lợp ngói lót chữ Thọ;

- Hệ thống bờ nóc mái, kìm nóc, bờ chảy, bờ guột, đao mái được xây bờ gấn gạch gốm hoa chanh và đắp trang trí các con giống lộ thiên như: Lưỡng long châu Nhật, kìm nóc, con xô (lân), hổ phù đội mặt Nhật, các chi tiết trang trí trên đao mái theo triết lý cổ truyền của người Việt bằng vữa truyền thống.

b) Hậu cung:

Hậu cung có quy mô 1 gian 2 chái hình thức kiến trúc tàu đao 4 mái.

- Bước gian: gian chái rộng 3,6m; gian giữa rộng 4,05m; bước cột: khoảng cách từ cột quân đến cột cái rộng 1,8m; khoảng cách từ cột cái đến cột cái rộng 4,05m;

- Hệ vì có 4 hàng cột kiểu thượng chồng rường, hạ xà nách - kẻ bẩy bằng gỗ lim; mái lợp ngói mũi hài, dưới lợp ngói lót chữ Thọ;

- Hệ thống bờ nóc mái, bờ chảy, bờ guột, đao mái được đắp các con giống lộ thiên, các chi tiết trang trí trên đao mái theo triết lý cổ truyền của người Việt bằng vữa truyền thống;

- Khoảng giao giữa hai mái nhà Tiền bái và Hậu cung, được lắp một máng gỗ bọc Inox, để thu nước mưa chảy từ trên mái xuống.

c) Giải pháp móng: ép cọc BTCT mác 300#, tiết diện: 250x250x5000; lót móng bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100; tường móng xây gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75#, giằng móng đỡ BTCT đá 1x2 mác 250#.

d) Nội thất và đồ thờ:

Hệ thống nội thất đồ thờ đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình được làm bằng gỗ đôi hoặc bằng đồng đỏ hoặc gốm men, bao gồm: tượng thờ, ngai thờ, bài vị, hương án, bàn thờ, giá chiêng, giá trống, kiệu long đình, kiệu bát cống, bát bửu, giá lọng, ngựa hồng, ngựa bạch. Các đồ thờ như: bát hương (gốm sứ), chân nến, mâm bông, lọ hương, độc bình, lọ hoa (gốm men), khay dài kỷ cùng với hệ thống hoành phi, câu đối, cửa võng, bức tranh, y môn, giá kiếm,... có phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ: XIX-XX).

e) Phù điêu:

Xây dựng hai bức tường phù điêu (đục chạm hình ảnh mô tả về phong trào Khởi nghĩa Ba Đình, đặt hai bên tòa Tiền bái đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình) nối với cổng phụ, trụ biểu, cửa sổ chữ thọ,... tất cả được làm bằng đá xanh nguyên khối.

7.3.2. Tả vu - Hữu vu:

Nhà Tả vu - Hữu vu được xây dựng nằm đối xứng hai bên sân hành lễ của khu đền thờ. Đây làm nơi tiếp khách và kết hợp trưng bày giới thiệu các hiện vật, tư liệu, tranh ảnh, vũ khí, đồ dùng, trang phục, dụng cụ,... gắn với cuộc Khởi nghĩa Ba Đình. Nhà có mặt bằng chữ nhật (KT: 20,5m x 6,5m) gồm 5 gian 2 chái, hình thức kiến trúc tàu đao bốn mái, có 4 hàng cột. Hệ khung cột chịu lực, hệ vì, xà, kẻ bẩy, hoành, rui, tàu mái, lá mái bằng gỗ lim. Diện tích xây dựng mỗi nhà là: 123m².

- Bước gian: Các gian hồi và gian bên rộng: 2,75m, gian giữa rộng: 3m; bước cột: khoảng cách từ cột quân đến cột cái rộng 1,35m; từ cột cái đến cột cái rộng 2,8m. Chiều cao nhà: 6,08m (tính từ cos +0,00 đến kìm mái).

- Hệ thống bờ nóc mái, bờ chảy, đao mái xây gạch; gắn các chi tiết trang trí hoa văn có hình thức đơn giản bằng vữa truyền thống.

- Giải pháp móng: ép cọc BTCT mác 300#, tiết diện: 250x250x5000; lót móng bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100; tường móng xây gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75#, giằng móng đỡ BTCT đá 1x2 mác 250#.

7.3.3. Nghi môn nội:

Nghi môn nội nằm trên trục thần đạo của đền thờ, có mặt bằng chữ nhật (KT: 10,8m x 11,49m), quy mô 3 gian, 4 hàng cột; hình thức kiến trúc kiểu 2 tầng mái, mái trên có hình thức kiểu tàu đao bốn mái, mái dưới kiểu tường thu hồi bit đốc. Diện tích xây dựng của nhà là: 60m².

- Khẩu độ bước gian: gian bên rộng 3,15m, gian giữa rộng 3,3m; bước cột: khoảng cách từ cột quân đến cột cái rộng 1,45m, từ cột cái đến cột cái rộng 3,3m; chiều cao nhà: 8,66m.

- Hệ khung cột, hệ vì, xà, con chông, kẻ liên bẩy, bẩy mái, thượng lương, hoành, rui, tàu mái, lá mái bằng gỗ lim. Hệ vì có 4 hàng cột, kiểu thượng chông rường, hạ xà nách - kẻ bẩy bằng gỗ lim.

7.3.4. Am hóa vàng:

Am hóa vàng (KT: 2,32m x 2,32m), cao 3,03m, hình thức kiến trúc mô

phông theo kiểu truyền thống, phía trên có cửa để hóa vàng, phía dưới có cửa nhỏ để lấy tro. Bản mái bê tông cốt thép đá 1x2, tạo dáng dốc, dán ngói mũi hài.

7.3.5. Cổng trụ:

Cổng trụ gồm 2 cột trụ biểu, phông theo hình thức kiến trúc truyền thống.

Trụ biểu có kết cấu lõi bằng BTCT bên ngoài xây gạch, trát vữa xi măng; chiều cao trụ biểu 8,1m, khoảng cách giữa hai trụ là 12m (tính đến tim cột), trên đỉnh cột trụ đắp hoa đuốc bằng vữa xi măng; Đế trụ, thân trụ đắp phù điêu tượng khói lửa, hoạt cảnh lao động, sản xuất và chiến đấu,... bằng vữa xi măng.

7.3.6. Cầu vào khu trung tâm căn cứ:

Cầu vào khu trung tâm căn cứ núi Thúc, mang phong cách quân sự (thô sơ và chắc chắn). Hình dáng kiến trúc cầu theo kiểu dã chiến thời Cần Vương, phù hợp với bối cảnh lịch sử và địa hình của khu căn cứ.

Cầu có (KT: 13,6m x 4,6m) kết cấu bằng bê tông cốt thép, hoàn thiện sơn màu giả gỗ (đặc biệt mặt cầu thể hiện kiểu thân cây gỗ đẽo sơ chế). Hệ đài móng, trụ, dầm, sàn cầu,... bằng bê tông cốt thép, sơn màu giả gỗ.

7.3.7. Phông dựng một đoạn hào lũy:

- Nạo vét, khơi thông hệ thống ao hồ, ruộng trũng, ruộng cạn, bãi cỏ,... bao quanh khu căn cứ, tạo nên một hệ thống sông, lạch, đầm lầy,... nhằm tái hiện một phần không gian hiểm trở, cách biệt như vốn có của khu căn cứ Núi Thúc năm xưa.

- Xây đắp, phông dựng một phần đoạn hào lũy chiến đấu điển hình trên cơ sở các tư liệu lịch sử đã nghiên cứu, sưu tầm. Hào lũy có chiều dài: 80m (chia đều, nằm ở hai bên cầu), rộng khoảng 10m, độ sâu tùy từng đoạn; dưới đáy hào đóng cọc bê tông giả cọc gỗ, cọc tre, đặt rọ tre đan nhồi bùn đất trộn rơm, thả chông chà tại một số vị trí. Bờ hào được gia cố bằng hệ cọc BTCT giả thân cây hoặc giả tre, đóng ken dày, vị trí so le, độ cao đỉnh cọc khác nhau.

7.3.8. Hạ tầng kỹ thuật

a) Khuôn viên, cây xanh cảnh quan:

- Núi Thúc hiện còn bãi đá cuội, được tôn tạo trên nguyên tắc giữ lại tối đa các tảng đá tự nhiên hiện có, đắp đất và xếp bổ sung một số tảng đá mới có hình dáng, màu sắc và chất liệu tương đồng với những tảng đá (gốc), kết hợp với việc bố trí các nhóm tượng nghĩa quân Ba Đình đang trong tư thế phòng ngự và chiến đấu cùng với một số chiến lũy điển hình được kết nối liên thông với các cứ điểm chiến đấu ở bên ngoài, tạo nên một trận địa phòng ngự Núi Thúc hiểm trở liên hoàn và vững mạnh, đồng thời trận địa Núi Thúc cũng là điểm tựa (hậu chẩm) cho khu đền thờ.

- Khuôn viên khu đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình, được lựa chọn các chủng loại cây có nguồn gốc bản địa và phù hợp với không gian trong di tích truyền thống như: Đại, đa, cây gạo, cây duối, cây tâm vòng, cây móc rừng (cây đủng đỉnh), tre gai, rặng tre ngà, hoa nhài, hoa mẫu đơn, cây găng, cây cọ, lau sậy,... nhằm tái hiện lại một phần không gian căn cứ quân sự hiểm trở, gắn với chiến tranh du kích và thế trận toàn dân cùng đánh giặc.

- Các ô cỏ được bố trí đăng đối qua trục thân đạo của đền thờ, xen giữa lối đi chải bằng bê tông sỏi.

- Bố cục cây xanh, vành đai lũy tre gai hình cánh cung bảo vệ di tích vòng ngoài; khu vực sân hành lễ bố cục 02 hàng cây dạng nghi biểu, màu sắc hài hòa giữa màu đỏ và màu trắng.

b) Sân, đường nội bộ:

- Sân đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân, lát đá xanh xám, diện tích: 1357,14m²; sân hai bên đền thờ, lát đá xanh xám, diện tích: 276,61m²; sân đoạn từ cầu vào nghi môn nội lát đá xanh xám, diện tích: 529,14 m².

- Đường nội bộ, lát gạch chỉ đặc, diện tích: 144,59 m².

- Đường đổ bê tông, diện tích: 76,3 m².

- Đường đổ bê tông sỏi, diện tích: 562,7 m².

- Bó vỉa sân, bó bồn xây gạch không nung trát vữa xi măng mác 75#, bó vỉa lát đá xanh.

- Bó bồn bằng BTCT giả thân tre, ghép sát, kết thành đoạn 1m.

c) Tường hoa nội khu:

Xây dựng trụ tường hoa cao 1,5m, có thiết kế hộc để bóng điện phía trên; trụ tường hoa được khâu dây thép xuyên qua kết hợp trồng xen cây gừng cắt tỉa. Tổng chiều dài tường hoa là: 150,5m.

7.3.9. Giải pháp san nền:

- Đắp phần đất núi Thúc bị khuyết, tạo hình lại quả núi có đỉnh nằm trên trục thân đạo. Cote +0,00 giữa sân hành lễ, tương đương cao độ 2,00 trên nền bản đạc. Lấy đỉnh núi Thúc là cao điểm, san nền dốc dần ra xung quanh, độ dốc núi theo tự nhiên; độ dốc sân 0,4%, đảm bảo thoát nước mặt vào hào lũy.

- Chỉ tiến hành san lấp đến ranh giới di tích theo quy hoạch.

7.3.10. Các hệ thống kỹ thuật khác của công trình gồm: cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chiếu sáng,... thiết kế đồng bộ.

8. Số bước thiết kế: 02 bước.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 95.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	73.861.900.000	đồng;
- Chi phí nội thất đền thờ:	7.719.200.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	1.723.146.659	đồng;
- Chi phí TV ĐTXD:	6.500.494.647	đồng;
- Chi phí khác:	716.303.788	đồng;
- Dự phòng:	4.978.657.480	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

10. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa) 1.000 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh không quá 71.625 triệu đồng; số vốn còn lại do ngân sách huyện Nga Sơn và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm bảo.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: 03 năm (2022 - 2024).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng và tổ chức, cá nhân tham gia thẩm tra, thẩm định dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm tra, thẩm định của mình. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo theo đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, hoạt động mỹ thuật, sưu tầm hiện vật. Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 1568/SXD-HĐXD ngày 14/3/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN BẢO TỒN, TÔN TẠO DI TÍCH KHU CĂN CỨ KHỎI NGHĨA BA ĐÌNH, HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA
(HẠNG MỤC: ĐỀN THỜ CÁC THỦ LĨNH VÀ NGHĨA QUÂN BA ĐÌNH)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng.

STT	TÊN CHI PHÍ	CÔNG THỨC TÍNH	GIÁ TRỊ XD TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ XD SAU THUẾ
I	CHI PHÍ TU BỒ, TÔN TẠO: G_{XD}:		67.147.181.818	6.714.718.182	73.861.900.000
1	Tiền bãi và Hậu cung	(a+b+c)			
a	Tiền bãi	Theo bảng đơn giá tổng hợp	26.901.909.091	2.690.190.909	29.592.100.000
b	Hậu cung	Theo bảng đơn giá tổng hợp	7.231.272.727	723.127.273	7.954.400.000
c	Tường phù điêu	Theo bảng đơn giá tổng hợp	4.336.636.364	433.663.636	4.770.300.000
2	Nhà tả vu	Theo bảng đơn giá tổng hợp	6.438.727.273	643.872.727	7.082.600.000
3	Nhà hữu vu	Theo bảng đơn giá tổng hợp	6.438.727.273	643.872.727	7.082.600.000
4	Nghi môn nội	Theo bảng đơn giá tổng hợp	5.069.363.636	506.936.364	5.576.300.000
5	Am hóa vàng	Theo bảng đơn giá tổng hợp	72.181.818	7.218.182	79.400.000
6	Cầu bê tông giả gỗ	Theo bảng đơn giá tổng hợp	1.249.727.273	124.972.727	1.374.700.000
7	Cổng trụ	Theo bảng đơn giá tổng hợp	433.636.364	43.363.636	477.000.000
8	Súng thần công	Theo bảng đơn giá tổng hợp	600.272.727	60.027.273	660.300.000
9	Hào lũy	Theo bảng đơn giá tổng hợp	3.474.818.182	347.481.818	3.822.300.000
10	Tổng thể	Theo bảng đơn giá tổng hợp	4.899.909.091	489.990.909	5.389.900.000
II	NỘI THẤT ĐỒ THỜ: G_{NT}		7.017.454.545	701.745.455	7.719.200.000
1	Đồ thờ nội thất tiền bãi và hậu cung		7.017.454.545	701.745.455	7.719.200.000
a	Đồ thờ nội thất tiền bãi và hậu cung	Theo bảng đơn giá tổng hợp	6.177.000.000	617.700.000	6.794.700.000
b	Tượng thờ Đình Công Tráng	Theo bảng đơn giá tổng hợp	840.454.545	84.045.455	924.500.000

III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN: G_{QLDA}		1.723.146.659	-	1.723.146.659
1	Chi phí quản lý dự án đầu tư (Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án)	$(G_{XD}+G_{NT})*2,323\%$	1.723.146.659		1.723.146.659
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN: G_{TVĐT}		5.916.875.224	583.619.422	6.500.494.647
1	Khảo sát điều tra, chụp ảnh, sưu tầm tài liệu LSVH, đo vẽ ghi hiện trạng kiến trúc cảnh quan di tích phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Bảng dự toán chi tiết	106.363.636	10.636.364	117.000.000
2	Chi phí khảo sát địa chất	Bảng dự toán chi tiết	231.711.818	23.171.182	254.883.000
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	$(G_{XD}+G_{NT})*1,2*0,646\%$	575.035.934	57.503.593	632.539.527
4	Chi phí thiết kế BVTC + dự toán (a+b+c)				
a	Chi phí thiết kế BVTC + dự toán các hạng mục xây dựng	$(G_{XD}-G_{XD1C})*3,028\%$	1.902.067.218	190.206.722	2.092.273.939
b	Chi phí sáng tác phác thảo tường phù điêu đá, tượng thờ Đình Công Tráng (Điều 7 QĐ3208/VBHN-BVHTTDL)	$(G_{XD1C}+G_{NT2})*5,900\%$	305.448.364	30.544.836	335.993.200
c	Chi phí thiết kế nội thất, đồ thờ (theo QĐ 2262/1998/QĐ-BVHTT ngày 15/10/1998)	$G_{NT1}*5,000\%$	308.850.000	30.885.000	339.735.000
5	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo QĐ 164/QĐ-BQLDA ngày 13/10/2021	405.406.364	40.540.636	445.947.000
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	$(G_{XD}+G_{NT})*0,158\%$	117.168.638	11.716.864	128.885.502
7	Chi phí thẩm tra dự toán	$(G_{XD}+G_{NT})*0,153\%$	113.794.057	11.379.406	125.173.462
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$(G_{XD}+G_{NT})*1,976\%$	1.465.398.216	146.539.822	1.611.938.038
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	$G_{tvda}*0,816\%$	7.450.989	745.099	8.196.088

10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn lập thiết kế BVTC+Dự toán	$G_{vtk} * 0,639\%$	16.088.218	1.608.822	17.697.039
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng	$G_{tvs} * 0,762\%$	11.163.127	1.116.313	12.279.439
12	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	$(G_{XD} + G_{NT}) * 0,162\%$	120.247.645	12.024.764	132.272.409
13	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Tối thiểu	2.000.000		2.000.000
14	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế BVTC + Dự toán	$G_{vtk} * 0,100\%$	2.516.366		2.516.366
15	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	Tối thiểu	2.000.000		2.000.000
16	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	$(G_{XD} + G_{NT}) * 0,100\%$	74.164.636		74.164.636
17	Chi phí thẩm định giá cho hiện vật, thiết bị, vật tư, vật liệu, các đầu công việc tạm tính (TT) không có trong công bố giá	Tạm tính	50.000.000	5.000.000	55.000.000
18	Chi phí các công việc tư vấn khác		100.000.000	10.000.000	110.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC: G_{PK}		658.588.283	57.715.505	716.303.788
1	Phí thẩm định dự án	$TMĐT * 50\% * 0,013\%$	6.076.188		6.076.188
2	Phí thẩm định ĐTM	<i>Theo QĐ 164/QĐ-BQLDA ngày 13/10/2021</i>	37.500.000		37.500.000
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$TMĐT * 50\% * 0,230\%$	110.016.000		110.016.000
4	Chi phí kiểm toán	$TMĐT * 0,354\%$	338.499.750	52.732.160	391.231.910
5	Bảo hiểm công trình	$(G_{XD} + G_{NT}) * 0,080\%$	59.331.709	4.983.345	64.315.055

6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	$(G_{XD}+G_{NT})*0,100\%$	74.164.636		74.164.636
7	Chi phí các công việc khác		33.000.000		33.000.000
VI	DỰ PHÒNG PHÍ: GDP				4.978.657.480
1	Chi phí dự phòng phát sinh	$(I+II+III+IV+V)*4,00\%$			3.620.841.804
2	Chi phí dự phòng trượt giá	Bảng tính chi tiết			1.357.815.676
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V+VI)			95.499.702.574
	LÀM TRÒN				95.500.000.000
Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn.					